**3. Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Nếu cư trú ở trong nước, người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

**- Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

**- Bước 3:**

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp.

Trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

**- Bước 3:** Bộ Tư pháp

+ Đối với người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

* Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.
* Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

+ Đối với người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
* Trong trường hợp cần thiết phải xác minh về nhân thân của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Công an xác minh.
* Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp, Bộ Công an xác minh và trả lời kết quả cho Bộ Tư pháp.

**- Bước 4:** Văn phòng Chủ tịch nước

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

**- Bước 5:** Thông báo kết quả giải quyết

+ Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo cho người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam về kết quả giải quyết việc trở lại quốc tịch Việt Nam và đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

+ Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm gửi đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

**- Bước 6**: Người đề nghị căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị gửi Bộ Tư pháp.

+ Lần 2: Nhận thông báo để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (Đối với người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài).

+ Lần 3: Nhận thông tin cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

- Nhận thông tin về hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử.

- Nhận kết quả qua đường bưu điện.

**c) Thành phần số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Giấy khai sinh,Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

+ Bản khai lý lịch;

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);

+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam (Xin hồi hương về Việt Nam; Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻlà công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thực hiện đầu tư tại Việt Nam; Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục xin hồi hương về Việt Nam hoặc bản sao giấy tờ chứng nhận việc đầu tư tại Việt Nam).

+ Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của con.

- Số lượng hồ sơ:03 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần thiết phải xác minh về nhân thân của người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ Công an xác minh.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tư pháp, Bộ Công an xác minh và trả lời kết quả cho Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Bộ Tư pháp có trách nhiệm thông báo cho người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam về kết quả giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam và đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm gửi đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**:

**- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp, Chính phủ, Chủ tịch nước.

**- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

**- Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính:** Công an Thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

**h) Lệ phí**: 2.500.000 đồng/trường hợp.

**i)** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*+* Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010).

[+ Tờ khai lý lịch](\\\\10.188.24.14\\..\\..\\em Tho gui Thu tuc chua co trong De an 30\\To khai dang ky ket hon.doc) (Mẫu TP/QT-2010-TKLL kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người đã mất quốc tịch Việt Nam có đơn đề nghị trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Xin hồi hương về Việt Nam;

+ Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻlà công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Thực hiện đầu tư tại Việt Nam;

+ Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2009);

- Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2009);

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 3 năm 2013);

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

[(Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT.1)](file:///\\10.188.24.14\..\..\vb9\Local%20Settings\Temp\TAI%20LIEU\To%20khai%20dang%20ky%20ket%20hon.doc)

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4 x 6  (Chụp chưa  quá 6 tháng) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

**Họ và tên** (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): .................................... Số:

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (*nếu có*): .

Địa chỉ nơi cư trú:

..................................................................................................................................................

Nghề nghiệp:................................................................................................................. .

Nơi làm việc:

................................................................................................................................:..... .

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày ...... tháng ......... năm ...................

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6):

.............................................................................................................................

..................................................................................................................................................

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (7):

Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là : ..........................................................

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Địa chỉ cư trú hiện nay | Nơi sinh | Nơi đăng ký khai sinh | Tên gọi  Việt Nam | Ghi chú (8) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Về quốc tịch hiện nay (9):

|  |  |
| --- | --- |
| Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)*: | Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)* thuộc trường hợp đặc biệt: |
|  | Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:  ……………………………………………………………..  ………………………………………………………….….  ………………………………………………………….….  ………………………………………………………….….  ……………………………………………………………. |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

***Giấy tờ kèm theo:***  *.............., ngày .. ... tháng ....... năm............*

- . ....................... **Người làm đơn**

- . ....................... (Ký và ghi rõ họ tên)

- . .......................

**Chú thích:**

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
2. *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
6. *Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;*
7. *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.*
8. *Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;*
9. *Đánh dấu ‘X” vào 1 trong 2 lựa chọn.*

(Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh 4x6  ( Chụp chưa quá 6 tháng ) | **CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    **TỜ KHAI LÝ LỊCH** |

**Họ và tên** (1):

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ......................................... Số

Cấp ngày, tháng, năm:........................................., Cơ quan cấp

..................................................................................................................................................

Địa chỉ cư trú hiện nay:

..................................................................................................................................................

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc

**TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN**

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

## TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

**Họ và tên cha** :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch

Địa chỉ cư trú:

………………………………………………………………………………..................... ..

**Họ và tên mẹ** :

Ngày, tháng, năm sinh

Quốc tịch:………

Địa chỉ cư trú :

**Họ và tên vợ /chồng :**

Ngày, tháng, năm sinh : …………………………................................................................

Nơi sinh

Quốc tịch : .

Địa chỉ cư trú :

**Họ và tên con thứ nhất**:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

**Họ và tên con thứ hai**:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

*….......……, ngày…..…tháng….…năm…....…*

**Chú thích:** Người khai

1. *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;* (Ký và ghi rõ họ tên)
2. *(2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
3. *(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
4. *(4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
5. *(5) Ghi rõ loại giấy tờ gì.*